TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thúy H, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: H, huyện H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ 12, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H1 lấy nhau là do anh chị tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/01/2015. Quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, chị không còn tình cảm với anh H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H1. Về con chung, hai vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H, anh H1, nhưng anh, chị không có mặt tại phiên tòa, riêng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/01/2015, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa chị H và anh H1 thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, chị H không còn tình cảm với anh H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H1. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở chấp nhận cho chị H ly hôn với anh H1.

[4] Về con chung: Quá trình anh chị chung sống không có con chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51 và khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy H ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Quá trình anh chị chung sống không có con chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã tạm

nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007771 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND TT H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai